ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THUẬN HƯNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3353/QĐ-UBND	*Thuận Hưng, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Kè chống sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng)
Địa điểm xây dựng: phường Thuận Hưng, thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG THUẬN HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của

Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 220/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, Bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 347/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thủy lợi và đê điều;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Thông tư số 32/2026/TT-BXD ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ Ban hành quy định một số nội dung về quản lý hoạt động xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành định mức dự toán

cho các công tác xây dựng đặc thù trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-SXD ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 939/QĐ-SXD ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-SXD ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng chuyển đổi theo quy định tại Thông tư số 37/2026/BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Công văn số 2212/UBND-TH ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Thuận Hưng về việc giao cơ quan thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị dự án các dự án đầu tư công thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 3144/QĐ-UBND ngày 11 tháng 09 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân phường Thuận Hưng về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng);

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 1780/PKTHT&ĐT ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 1816/TTr-PKTHT&ĐT ngày 02 tháng 10 năm 2026 và của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường tại Tờ trình số 433/TTr-BQLDA ngày 01 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Kè chống sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Kè chống sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng).

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm C.

- Loại công trình: Công trình nông nghiệp và môi trường.

- Cấp công trình: Công trình cấp IV.

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 25 năm.

3. Mã định danh (nếu có): Không.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và tóm tắt hướng tuyến công trình, một số điểm khống chế (xã, tỉnh); diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: phường Thuận Hưng, thành phố Cần Thơ.

- Vị trí xây dựng: Trên đoạn sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng).

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thuận Hưng.

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Thuận Hưng.

7. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công; nhà thầu khảo sát xây dựng (nếu có):

- Tổ chức tư vấn khảo sát địa hình, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Phát triển An Giang, mã số doanh nghiệp số 1600109836.

- Tổ chức tư vấn lập Báo cáo thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp Cửu Long mã số doanh nghiệp số 1801731719.

8. Mục tiêu dự án:

Ngăn quá trình sạt lở tiếp tục xảy ra, khôi phục bờ kênh tạo ổn định cho đoạn kênh bị sạt lở, bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe và tài sản của dân cư toàn tuyến, cơ sở hạ tầng trong khu vực.

9. Quy mô đầu tư xây dựng dự án:

Dự án Kè chống sạt lở bờ phải kênh Thơm Rơm (đoạn từ Cầu Ba Khía đến nhà ông Nguyễn Sĩ Dũng) được đầu tư xây dựng theo các thông số kỹ thuật như sau:

9.1. Quy mô công trình:

- Chiều dài kè : L= 110 m

- Cao trình đỉnh kè : ∇ = +2.80

- Cao trình bản đáy kè : ∇ = +0.20

- Hình thức kết cấu kè: Kết cấu kè loại kè đứng, tường kè bản góc hình dạng chữ L chi tiết như sau:

a) Thân kè:

- Kết cấu bằng BTCT M250 cao 2,25m, chiều dày đỉnh tường 30cm, chiều dày thân tường 25cm.

- Bản chống: bằng BTCT chiều dày 20cm.

- Bản đáy: rộng: 220cm, dày: 35cm.

- Tường kè được chia thành các đơn nguyên nhỏ, giữa các đơn nguyên bố tri các khe lún rộng 2cm giữa các khe lún chèn khớp nối PVC.

- Xử lý nền: bằng cọc BTCT kích thước 30x30cm, 1 đơn nguyên 23m (bao gồm khe lún) bố trí 29 cọc.

- Hệ thống thoát nước thân kè: sử dụng ống PVC Ø60 đục lỗ quanh ống để thu nước và kết hợp ống PVC Ø60 để thoát nước ra ngoài kè.

b) Mái kè phía sông

- Cao trình đỉnh mái gia cố: +0.55 m .

- Kết cấu gia cố mái bằng thảm đá dày 0,3m, tại những vị trí dòng chảy gây xói lở lớn sẽ gia cố thêm bao tải cát tạo mái m ≥ 2,0. Bên dưới gia cố bằng vải địa kỹ thuật 20kN, phần chồng mí giữa các tấm vải với nhau là 0,50m.

- Thép để giữ vải địa kỹ thuật là Ø6, L = 0,7m, với khoảng cách 30÷40 cm thì đóng 1 ghim, không bằng phẳng thì đóng dày hơn 10÷20cm 1 ghim.

c) Hoàn trả đường giao thông sau kè

- Cấp đường: Giao thông nông thôn loại B với qui mô như sau:

- Tải trọng trục xe thiết kế: 2,5T

- Bề rộng mặt đường xe chạy: 4m

- Độ dốc ngang mặt đường: 2%

- Kết cấu áo đường (tính từ trên xuống):

+ Lớp 1: Bê tông xi măng đá 1x2 M250 dày 16cm

+ Lớp 2: Lớp nilong đen ngăn cách

+ Lớp 3: Cấp phối đá dăm loại 2, Dmax=25 dày 12cm

+ Lớp 4: Cát san lấp đầm chặt K ≥ 0,95 (nếu có)

d) Các công trình phụ trợ:

- Vỉa hè: lát bằng gạch Terrazzo (40x40x3)cm kết cấu vỉa hè phía dưới lớp gạch là lớp bê tông lót đá 4x6 M150 dày 10cm và vữa lót M75 dày 3cm. Tạo độ dốc thoát nước vỉa hè 1,0%. Chiều rộng vỉa hè 2,0m.

- Cầu thang dân sinh: để tạo điều kiện cho người dân lên xuống được dễ dàng không ảnh hưởng đến chất lượng công trình dọc tuyến bố trí 1 cầu thang dân sinh. Kết cấu cầu thang bằng BTCT M250 gồm bản sàn dày 20cm và bậc thang kích thước bậc 25x25cm.

- Hệ thống lan can: Phía trên đỉnh tường kè bố trí hệ thống lan can bằng thép mạ kẽm nhúng nóng gồm các trụ lan can được làm bằng thép tấm dày 10mm, giữa các trụ lan can là hệ thanh lan can Ø60mm.

10. Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo hồ sơ thiết kế và tiêu chuẩn nhà nước hiện hành áp dụng.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **7.583.468.578 đồng.** (Bằng chữ**:** Bảy tỷ, năm trăm tám mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám ngàn, năm trăm bảy mươi tám đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.450.431.661 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 192.766.224 đồng.
- Chi phí tư vấn: 504.206.095 đồng.
- Chi phí khác: 153.518.883 đồng.
- Chi phí dự phòng: 282.545.715 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn đầu tư công giai đoạn 2026 – 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có): Không.

16. Các nội dung khác (nếu có).

- Chủ đầu tư tiến hành bàn giao mặt bằng, tim mốc để tổ chức thi công.

- Các loại vật tư, vật liệu, thiết bị phải được kiểm nghiệm, kiểm định đạt yêu cầu kỹ thuật mới được thi công và đưa vào sử dụng.

- Các trang thiết bị, máy móc phải được vận hành đúng theo quy trình, hướng dẫn của nhà sản xuất và đơn vị chuyên môn đảm bảo yêu cầu thiết kế.

- Công tác thi công và nghiệm thu phải thực hiện theo đúng yêu cầu thiết kế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình thi công xây dựng phải đặc biệt chú ý đến công tác an toàn lao động, đảm bảo an toàn chịu lực cho công trình lân cận, phòng cháy chữa cháy và vệ sinh môi trường tại công trường xây dựng.

- Trong quá trình thi công phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa 4 bên: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện:

1. Thực hiện và chịu trách nhiệm về mục tiêu, nội dung, quy mô tiêu chuẩn, định mức đầu tư của dự án đảm bảo đúng nội dung đã phê duyệt và quy định hiện hành của nhà nước; Trong thời gian triển khai các bước tiếp theo cần rà soát các chi phí trong tổng mức đầu tư đảm bảo theo đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo triển khai dự án, thực hiện tiết kiệm, sớm hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng mang lại hiệu quả theo mục tiêu đầu tư.

2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành, đảm bảo theo nguyên tắc chọn nhà thầu có đủ năng lực, thực hiện công việc hiệu quả, cạnh tranh, công bằng và minh bạch trong việc lựa chọn.

3. Triển khai thực hiện đúng theo quy định của Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo

trì công trình xây dựng và Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

4. Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định sau khi dự án được duyệt, hạn chế tối thiểu phát sinh đảm bảo tiết kiệm chi phí và hiệu quả dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng phường, Trưởng phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIX và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND TP. Cần Thơ để báo cáo;
- Sở TC để báo cáo;
- Sở XD để báo cáo;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG THUẬN HƯNG T.P CẦN THƠ

Lê Minh Triết

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

DỰ ÁN: KÈ CHỐNG SẠT LỞ BỜ PHẢI KÊNH THƠM RƠM (ĐOẠN TỪ CẦU BA KHÍA ĐẾN NHÀ ÔNG NGUYỄN SĨ DŨNG)

ĐỊA ĐIỂM: KHU VỰC TÂN PHÚ, PHƯỜNG THUẬN HƯNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Quyết định số 3353/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thuận Hưng)

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	**Chi phí xây dựng**			**5.972.621.909**	**477.809.752**	**6.450.431.661**	**Gxd**
1	Chi phí xây dựng công trình chính		Theo kết quả thẩm định	5.907.637.892	472.611.031	6.380.248.923	Gxdct
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công hạng mục xây dựng		Theo kết quả thẩm định	64.984.017	5.198.721	70.182.738	Gnt
II	**Chi phí quản lý dự án**	3,263%	**(Gxd) trước thuế x tỷ lệ**	**192.766.224**		**192.766.224**	**Gqlda**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**		**Gtv1+…+Gtv8**	**467.802.717**	**36.403.378**	**504.206.095**	**Gtv**
1	Chi phí khảo sát địa hình		Theo kết quả thẩm định	20.299.147	1.623.932	21.923.079	Gtv1
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Bảng 2.4 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	4,028%	(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	237.959.654	19.036.772	256.996.426	Gtv7
3	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng (Bảng 2.19 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,189%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	11.165.436	893.235	12.058.671	Gtv4
4	Chi phí thẩm tra dự toán công trình (Bảng 2.20 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,183%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	10.810.977	864.878	11.675.855	Gtv5
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Bảng 2.22 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	0,361%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	21.326.573	1.706.126	23.032.699	Gtv22
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Bảng 2.24 Thông tư 38/2026/TT-BXD)	2,598%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	153.480.432	12.278.435	165.758.867	Gtv6
7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,100%	(Gxd) sau thuế x tỷ lệ	6.380.249		6.380.249	Gtv7
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 214/2025/NĐ-CP)	0,100%	(Gxd) sau thuế x tỷ lệ	6.380.249		6.380.249	Gtv8
IV	**Chi phí khác**		**Gk1+…+Gk4**	**144.879.972**	**8.638.911**	**153.518.883**	**Gk**
1	Chi phí bảo hiểm công trình (Phụ lục III, Nghị định số 220/2026/NĐ-CP)	1,000%	(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	59.076.379	4.726.110	63.802.489	Gk1
2	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%	(Gtmđt) x tỷ lệ x 50% (MIN: 500.000)	720.430		720.430	Gk2
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Nghị định 193/2026/NĐ-CP)	0,477%	(Gtmđt) x tỷ lệ	36.173.145		36.173.145	Gk3
4	Chi phí điều tiết giao thông thủy		Theo kết quả thẩm định	48.910.018	3.912.801	52.822.819	Gk4
V	**Chi phí dự phòng**		**Gdp**	**282.545.715**		**282.545.715**	**Gdp**
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	3,870%	(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) x tỷ lệ	282.545.715		282.545.715	Gdp
	Tổng cộng		**Gxd+Gqlda+Gtv+Gk+Gdp**	**7.060.616.537**	**522.852.041**	**7.583.468.578**	**Gtmđt**